

Toán (Tăng)
Luyện tập: Bảng chia 6

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**1. Năng lực đặc thù.**

- Củng cố cho HS về bảng chia 6
- Rèn cho HS kĩ năng tính toán và vận dụng vào làm các bài tập có liên quan, giải toán có lời văn liên quan đến phép tính chia cho 6.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Khởi động:**

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS hỏi đáp về bảng chia 6 - YC HS đọc cả bảng chia 6 - YC HS nêu nhận xét về dãy số bị chia, dãy số chia, dãy thương của bảng chia 6 - GV chốt: Dãy số bị chia là dãy số đếm thêm 6 từ 6 đến 60, dãy số chia đều là 6, dãy thương là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10. | <ul style="list-style-type: none"> - HD cả lớp - Nhiều cặp HS hỏi đáp nhau - 1 HS đọc - HS nêu |
|---|--|

2. Luyện tập

Bài 1: Tính nhẩm

$6 \times 5 =$	$6 \times 8 =$	$6 \times 4 =$	$6 \times 9 =$
$30 : 6 =$	$48 : 6 =$	$24 : 6 =$	$54 : 6 =$

- Khi đã biết kết quả của 6×5 , em có biết ngay kết quả của phép chia $30 : 6$ được không? Vì sao?

-> GV chốt KT: Đó là mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia, cũng chính là cơ sở để lập phép chia từ phép nhân.

Bài 2: Tính

$14 \times 3 : 6$

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu - HS làm bài, 4 em lên bảng | <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: ta có thể biết ngay kết quả của $30 : 6 = 5$ vì ta lấy tích chia cho thừa số này được thừa số kia. |
| <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu | |

$$18 : 6 + 42$$

$$25 + 54 : 6$$

- Yêu cầu HS tự làm bài

-> GV chốt KT: Thứ tự thực hiện phép tính trong một dãy tính có phép nhân và phép chia: tính từ trái sang phải.

Bài 3: Một sợi dây dài 3m 6 dm được cắt thành các đoạn bằng nhau, mỗi đoạn dài 6 dm. Hỏi cắt được bao nhiêu đoạn như thế?

-Gọi HS đọc đề, phân tích đề toán.

-Cho HS thảo luận nhóm đôi tìm cách làm.

- Gọi HS nêu cách làm.

- GV chấm 1 số bài, NX

-> GV chốt KT: Cùng cố cách giải bài toán có lời văn tìm số phần bằng nhau.

3.Vận dụng

Bài 4: Lớp em được thưởng 3 chục quyển vở, cô giáo đem chia đều cho 6 bạn có hoàn cảnh khó khăn. Hỏi mỗi bạn được bao nhiêu quyển vở?

-Gọi HS đọc đề, phân tích đề toán.

-Cho HS thảo luận nhóm đôi tìm cách làm.

- Gọi HS nêu cách làm.

- GV chấm 1 số bài, NX

-> GV chốt KT: Cùng cố về giải toán liên quan đến bảng chia 6.

- Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì?

- HS làm cá nhân

HS lên bảng chữa

$$\begin{aligned} \text{a. } 14 \times 3 : 6 &= 42 : 6 \\ &= 7 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} 18 : 6 \times 42 &= 3 + 42 \\ &= 45 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b. } 25 + 54 : 6 &= 25 + 9 \\ &= 34 \end{aligned}$$

- NX, nêu thứ tự thực hiện các phép tính

- HS đọc bài, phân tích đề

- HS trao đổi nhóm đôi tìm cách làm

- HS nêu cách làm.

- HS làm bài vào vở, chữa.

Bài giải

$$\text{Đổi } 3\text{m}6\text{dm} = 36 \text{ dm}$$

Số đoạn dây cắt được là:

$$36 : 6 = 6 \text{ (đoạn)}$$

Đáp số: 6 đoạn dây

- HS lắng nghe.

- HS đọc bài, phân tích đề

- HS trao đổi nhóm đôi tìm cách làm

- HS nêu cách làm.

- HS làm bài vào vở, chữa.

Bài giải

$$\text{Đổi: } 30 \text{ chục quyển vở} = 30 \text{ quyển vở}$$

Mỗi bạn được số quyển vở là:

$$30 : 6 = 5 \text{ (quyển vở)}$$

Đáp số: 5 quyển vở

- HS lắng nghe.

- HS nêu

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế sử dụng phép chia trong bảng chia 6, hôm sau chia sẻ với cô và các bạn. | <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và thực hiện |
|---|--|

Toán (Tăng)

Luyện tập: Giảm một số đi một số lần

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- củng cố cách tính và giải toán “giảm một số đi một số lần”
- Rèn kĩ năng tính và áp dụng vào giải toán thành thạo.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động:

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Muốn giảm một số đi một số lần ta làm thế nào? - Lấy VD về dạng bài toán giảm một số đi nhiều lần - GV nhận xét. | <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu. - HS lần lượt lấy VD. |
|--|--|

2. Luyện tập

Bài 1: Viết (theo mẫu)

Giảm 28kg đi 4 lần được: $28 : 4 = 7(\text{kg})$

- Giảm 35l đi 7 lần được:.....
- Giảm 40 phút đi 5 lần được:.....
- Giảm 30m đi 6 lần được:.....
- Giảm 18giờ đi 2 lần được:.....

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Đọc yêu cầu -YC HS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài. - GV nhận xét - Muốn giảm đi một số lần ta làm thế nào? | <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu. -HS làm bài vào vở. HS lên bảng chữa bài. -Ta lấy số đó chia cho số lần |
|---|---|

-> GV chốt KT: Củng cố về giảm đi một số lần.

Bài 2: Bạn Lan có 35 viên kẹo, sau khi cho bạn Thảo thì số kẹo giảm đi 5 lần. Hỏi bạn Lan còn lại bao nhiêu viên kẹo?

- Gọi HS đọc đề.
- Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?
- Muốn biết bạn Lan còn lại bao nhiêu viên kẹo ta làm như thế nào?
- YCHS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài.
- GV nhận xét.

- HS đọc đề bài.
- HS nêu
- Ta lấy $35 : 5$
- HS làm bài vào vở, 1 HS lên bảng chữa bài.

Bài giải

Lan còn lại số viên kẹo là:

$$35 : 5 = 7 \text{ (viên kẹo)}$$

Đáp số: 7 viên kẹo

- Bài toán thuộc dạng toán nào?
- Muốn giảm đi một số lần ta làm như thế nào?

- Giảm đi một số lần
- HS nêu.

-> GV chốt KT: Cùng cố giảm một số đi một số lần.

Bài 3: Tú đi bộ từ nhà đến trường mất 20 phút. Nếu đi xe đạp thì thời gian sẽ giảm đi 4 lần. Hỏi thời gian Tú đi xe đạp từ nhà đến trường?

- Gọi HS đọc đề.
- Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?
- Muốn biết thời gian Tú đi xe đạp từ nhà đến trường hết bao nhiêu phút ta làm thế nào?
- YCHS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài.

- HS đọc đề bài.
- HS trả lời
- Ta lấy $20 : 4$

- HS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài.

Bài giải

Thời gian Tú đi xe đạp từ nhà đến trường là:

$$20 : 4 = 5 \text{ (phút)}$$

Đáp số: 5 phút

- GV nhận xét.
- Bài toán thuộc dạng toán nào?

- Giảm một số đi một số lần.

-> GV chốt KT: Cùng cố về giảm một số đi một số lần.

3. Vận dụng

Bài 4: Mẹ An năm nay 35 tuổi, số tuổi của An giảm đi 5 lần so với số tuổi của mẹ. Hỏi An năm nay bao nhiêu tuổi?

- Gọi HS đọc đề.
- Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?
- Muốn biết số tuổi của An ta làm như thế nào?
- YCHS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài.

- HS đọc đề bài.
- HS trả lời
- Ta lấy $35 : 5$

- HS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài.

Bài giải

	Số tuổi của An là: $35 : 5 = 5$ (tuổi) Đáp số: 5 tuổi
-> GV chốt KT: Cùng cố về giải toán giảm một số đi một số lần.	
- Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì?	- HS nêu
- Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế về giảm một số đi một số lần", hôm sau chia sẻ với cô và các bạn.	- HS nghe và thực hiện
- GV nhận xét tiết học, dặn HS về ôn bài.	

Toán (Tăng)
Luyện tập: Bảng chia 7

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Cùng cố cho HS về bảng chia 7.
- Rèn cho HS kỹ năng tính toán và vận dụng vào làm các bài tập có liên quan, giải toán có lời văn liên quan đến phép tính chia cho 7.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động:

- | | |
|---|--------------------|
| - Cho lớp chơi trò chơi “Vòng quay kì diệu” trả lời các câu hỏi liên quan đến bảng chia 7 | - HS tham gia chơi |
| - GV nhận xét, giới thiệu bài | - HS ghi tên bài |

2. Luyện tập

Bài 1: Tính nhẩm

7 x 5	7 x 4	7 x 6	7 x 8	- HS nêu yêu cầu.
35 : 7	28 : 7	42 : 7	56 : 7	- HS làm bài, 4 em lên bảng
35 : 5	28 : 4	42 : 6	56 : 8	

- Khi đã biết kết quả của 7×5 , em có biết ngay kết quả của phép chia $35 : 7$ được không? Vì sao?
- HS trả lời: ta có thể biết ngay kết quả của $35 : 7 = 5$ vì ta lấy tích chia cho thừa số này được thừa số kia.
- -> GV chốt KT: Đó là mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia, cũng chính là cơ sở để lập phép chia từ phép nhân.

Bài 2: Tính

- | | | |
|----------------------|------------------|-----------------------------|
| a, $35 : 7 \times 2$ | b, $60 - 21 : 7$ | - HS nêu yêu cầu. |
| $56 : 7 + 15$ | $25 + 42 : 7$ | - HS làm bài, 4 em lên bảng |
- Yêu cầu HS làm bài
 - -> GV chốt KT: Thứ tự thực hiện phép tính trong một dãy tính có phép nhân và phép chia: tính từ trái sang phải.
 - Có phép nhân, chia, cộng, trừ ta thực hiện nhân, chia trước cộng, trừ sau.

Bài 3: Có 56 bông hoa cắm vào các lọ, mỗi lọ có 7 bông hoa. Hỏi cắm được mấy lọ như thế?

- | | |
|---|--|
| - Gọi HS đọc đề. | - HS đọc đề bài. |
| - Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? | - HS trả lời |
| - Muốn biết cắm được mấy lọ hoa ta làm như thế nào? | - Ta lấy $56 : 7$ |
| - YCHS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài. | - HS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài. |

Bài giải
 Số lọ hoa cắm được là:
 $56 : 7 = 8$ (lọ)
 Đáp số: 8 lọ hoa

- -> GV chốt KT: Củng cố về giải toán vận dụng bảng chia 7.

3. Vận dụng

Bài 4: Gia đình Mai có 7 người, sau bữa ăn có 14 quả cam để tráng miệng. Hỏi mỗi người được ăn mấy quả cam?

- | | |
|---|--|
| - Gọi HS đọc đề. | - HS đọc đề bài. |
| - Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? | - HS trả lời |
| - Muốn biết mỗi người được ăn mấy quả cam ta làm như thế nào? | - Ta lấy $14 : 7$ |
| - YCHS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài. | - HS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài. |

Bài giải
 Mỗi người được ăn số quả cam là:
 $14 : 7 = 2$ (quả cam)

--> GV chốt KT: Giải toán về bảng chia 7
- Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì?
- Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế sử dụng phép nhân trong bảng nhân 9, hôm sau chia sẻ với cô và các bạn.

- HS nêu
- HS nghe và thực hiện

Toán (Tăng)

Luyện tập: Giảm một số đi một số lần (tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Củng cố cách tính và giải toán “giảm một số đi một số lần”
- Rèn kĩ năng tính và áp dụng vào giải toán thành thạo.
- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động:

- Muốn giảm một số đi một số lần ta làm thế nào? - HS nêu.
- Lấy VD về dạng bài toán giảm một số đi một số lần - HS lần lượt lấy VD.
- GV nhận xét.

2. Luyện tập

Bài 1: Viết phép tính thích hợp:

a, Giảm 15 đi 3 lần ta được:

- HS nêu yêu cầu.

b, Giảm 54 đi 6 lần ta được:

- HS làm vở, chữa.

c, Giảm 20kg đi 4 lần ta được:

$$a, 15 : 3 = 5$$

$$c, 20\text{kg} : 4 = 5\text{kg}$$

d, Giảm 30l đi 5 lần ta được:

$$b, 54 : 6 = 9$$

$$d, 30\text{l} : 5 = 6\text{l}$$

- GV hướng dẫn HS làm.

- -> GV chốt KT: Cùng cố giảm một số đi một số lần.

Bài 2: Số?

a, 9 gấp 2 lần $\rightarrow$ giảm 6 lần $\rightarrow$

- HS nêu yêu cầu.

b, 7 gấp 5 lần $\rightarrow$ giảm 7 lần $\rightarrow$

- HS làm vở, chữa.

c, 70 giảm 7 lần $\rightarrow$ giảm 5 lần $\rightarrow$

--> GV chốt KT: Gọi HS nhắc lại cách giảm một số đi một số lần, gấp một số lên một số lần

- HS nêu

Bài 3: Đoạn thẳng AB có độ dài 15cm. Đoạn thẳng CD có độ dài bằng độ dài đoạn thẳng AB giảm đi 5 lần. Hỏi độ dài đoạn thẳng CD dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

- Gọi HS đọc đề.

- HS đọc đề bài.

- Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?

- HS trả lời

- Muốn biết độ dài đoạn thẳng CD ta làm như thế nào?

- Ta lấy $15 : 5$

- YCHS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài.

- HS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài.

Bài giải

Độ dài đoạn thẳng CD dài là:

$$15 : 5 = 3 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 3cm

--> GV chốt KT: Cùng cố giải toán về giảm một số đi một số lần.

3. Vận dụng

Bài 4: Con chó có cân nặng 24kg, con thỏ có số cân bằng số cân của con chó giảm đi 6 lần. Hỏi con thỏ có cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

- Gọi HS đọc đề.

- HS đọc đề bài.

- Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?

- HS trả lời

- Muốn biết con thỏ có cân nặng ta làm như thế nào?

- Ta lấy $24 : 6$

- YCHS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài.

- HS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài.

Bài giải

Con thỏ nặng số ki-lô-gam là:

$$24 : 6 = 4 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 4kg

--> GV chốt KT: Cùng cố giải toán về giảm một số đi một số lần.

- | | |
|--|----------|
| - Muốn giảm một số đi một số lần ta làm thế nào? | - HS nêu |
| - GV nhận xét tiết học, dặn HS về ôn bài. | |
-